

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NC
V/v hướng dẫn tổng rà soát hệ
thống văn bản quy phạm pháp
luật trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

Kính gửi:

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 20/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý khẩn trương, chủ động, tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình theo hướng dẫn sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Cấp tỉnh

Đối tượng, phạm vi tổng rà soát là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành còn hiệu lực và các VBQPPL đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026.

Lưu ý:

- VBQPPL hết hiệu lực một phần, VBQPPL bị tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cũng thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát.
- Tập hợp đầy đủ VBQPPL trong các trường hợp có sự sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và thay đổi về địa giới đơn vị hành chính.

2. Cấp xã

Đối tượng, phạm vi tổng rà soát là toàn bộ các VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (trước sắp xếp) và VBQPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành còn hiệu lực và các VBQPPL đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026.

Lưu ý:

- VBQPPL hết hiệu lực một phần, VBQPPL bị tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cũng thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát.

b) Tập hợp đầy đủ VBQPPL trong các trường hợp có sự sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và thay đổi về địa giới đơn vị hành chính.

c) Đối với các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành: UBND cấp xã tổng hợp, lập danh mục các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đang còn hiệu lực trên địa bàn.

UBND xã, phường, đặc khu hiện nay có địa giới hành chính thuộc đơn vị hành chính cấp huyện trước đây chủ động phối hợp, phân công rà soát các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành còn hiệu lực, bảo đảm đầy đủ, không bỏ sót và không trùng lặp văn bản; giao UBND xã trung tâm chủ trì, phối hợp rà soát giữa các xã.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Cấp tỉnh

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, đơn vị mình.

Ví dụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

b) Các ban, ngành tỉnh (cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) đã chủ trì soạn thảo VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh: có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế HĐND, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát các VBQPPL đã tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.

Ví dụ: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

c) Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương thực hiện tổng rà soát VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Trường hợp chưa xác định được cơ quan chủ trì rà soát, Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì trao đổi trực tiếp với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, nếu vẫn không xác định được cơ quan, đơn vị chủ trì rà soát thì báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Đối với VBQPPL của HĐND và UBND cấp huyện (trước khi sắp xếp): Trên cơ sở rà soát của UBND cấp xã, Sở Tư pháp tổng hợp, kiểm tra, lập Danh

mục tổng thể các VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành còn hiệu lực trên địa bàn.

đ) Trách nhiệm rà soát VBQPPL trong trường hợp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính: Cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có trách nhiệm thực hiện rà soát VBQPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được tiếp nhận.

Ví dụ: Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát VBQPPL của HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành do Sở Xây dựng và Sở Giao thông vận tải chủ trì xây dựng trước khi sắp xếp (bao gồm VBQPPL của tỉnh An Giang và Kiên Giang trước sắp xếp).

2. Cấp xã

a) UBND cấp xã thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND cấp xã và UBND cấp xã ban hành; thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành (trước sắp xếp) còn hiệu lực trên địa bàn cấp xã.

b) Các phòng chuyên môn hoặc tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan của HĐND và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát VBQPPL của UBND, HĐND cùng cấp có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức mình.

Trường hợp UBND cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp UBND cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa bàn cấp xã thì Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo các công chức chuyên môn thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND cấp mình thuộc lĩnh vực phụ trách của công chức chuyên môn.

c) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính hoặc công chức được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp xã quản lý nhà nước về rà soát VBQPPL có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện rà soát VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã.

d) Đối với VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện (trước sắp xếp)

Trong quá trình rà soát các VBQPPL của HĐND, UBND cấp mình cần căn cứ quy định tại Điều 3 Luật số 87/2025/QH15 để tập hợp đầy đủ các VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện có hiệu lực trên địa bàn tổng hợp, rà soát báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. Tổng hợp VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát

Căn cứ vào đối tượng, phạm vi tổng rà soát và trách nhiệm thực hiện rà soát của các cơ quan, địa phương; các cơ quan, địa phương cần xác định **đầy đủ, chính xác** các văn bản thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan, địa phương mình.

Trong quá trình thực hiện rà soát, các cơ quan, địa phương cần thường xuyên cập nhật tình trạng hiệu lực của VBQPPL và VBQPPL mới được ban hành **đến hết ngày 31/10/2026 hoặc đến thời điểm báo cáo.**

Lưu ý: *Xác định đúng các VBQPPL còn hiệu lực: Trên cơ sở đối chiếu với quy định VBQPPL hết hiệu lực được quy định tại các Luật Ban hành VBQPPL¹.*

- *VBQPPL còn hiệu lực bao gồm cả VBQPPL của HĐND, UBND của đơn vị hành chính cũ không được HĐND, UBND của đơn vị hành chính mới quyết định việc áp dụng nhưng chưa được bãi bỏ (trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp)².*

- *VBQPPL được ban hành chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản khác được tổng hợp, thống kê trong Danh mục VBQPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát, tuy nhiên các cơ quan không phải thực hiện rà soát nội dung của văn bản.*

- *Xác định đầy đủ các VBQPPL thuộc trách nhiệm rà soát trong trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước: Căn cứ vào các quy định của Luật Ban hành VBQPPL³, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và các văn bản có liên quan để xác định hiệu lực của văn bản.*

- *Sử dụng một số kết quả rà soát đã thực hiện như:*

+ *Kết quả hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019 - 2023;*

+ *Các Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do các cơ quan đã thực hiện việc công bố;*

+ *Các văn bản của HĐND, UBND quyết định việc áp dụng VBQPPL trong trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025);*

+ *Các văn bản hành chính do cơ quan có thẩm quyền đã ban hành để bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành VBQPPL.*

2. Tổng hợp các kết quả rà soát VBQPPL đã thực hiện

Để bảo đảm tính kế thừa các kết quả rà soát VBQPPL đã thực hiện trong thời gian qua, các cơ quan tổng hợp kết quả rà soát VBQPPL do cơ quan mình

¹ Cụ thể: Điều 78 Luật Ban hành VBQPPL năm 1996; Điều 53 Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND năm 2004; Điều 81 Luật Ban hành VBQPPL năm 2008; Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; Điều 57 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

² Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

³ Điều 50 (Hiệu lực của VBQPPL của HĐND, UBND trong trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính) Luật Ban hành VBQPPL của HĐND, UBND năm 2004; khoản 2 Điều 155 (Hiệu lực về không gian) Luật Ban hành VBQPPL năm 2015; Điều 54 (Hiệu lực về không gian) Luật Ban hành VBQPPL năm 2025; Điều 3 Luật số 87/2025/QH15; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 190/2025/QH15...

thực hiện và đang thực hiện việc xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới) để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá như:

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.

- Báo cáo đánh giá tính khả thi đối với nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật để thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị,...

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản sau khi Chính phủ ban hành các Nghị quyết để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật theo cơ chế đặc biệt quy định tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Các kết quả rà soát, xử lý văn bản thường xuyên và theo các chuyên đề, lĩnh vực khác.

3. Xác định căn cứ rà soát

3.1. Xác định văn bản pháp luật là căn cứ rà soát

Để phát hiện các quy định pháp luật không bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất (bao gồm cả mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ) giữa các quy định pháp luật; không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đối với mỗi VBQPPL được rà soát, các cơ quan cần xác định đầy đủ các văn bản là căn cứ rà soát, bao gồm:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Văn bản là căn cứ để xác định văn bản trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 6⁴ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Văn bản là căn cứ rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37⁵ và Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

⁴ Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Căn cứ pháp lý để xác định văn bản trái pháp luật là văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra;

b) Đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra”.

⁵ Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định:

- Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung quy định của văn bản được rà soát.

3.2. Xác định văn bản, tài liệu làm định hướng, đánh giá VBQPPL

Để có cơ sở, định hướng cho việc rà soát, đánh giá VBQPPL, ngoài các căn cứ rà soát là các văn bản tại điểm 3.1 nêu trên, các cơ quan cần xác định, tổng hợp các văn bản, tài liệu thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát, tổng kết và thông tin thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của VBQPPL được rà soát, cụ thể như:

- Điều lệ, cương lĩnh, nghị quyết, thông tri, chỉ thị, tài liệu chính thức khác của Đảng, đặc biệt là: Nghị quyết, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị (về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế nhà nước; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới); Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các nghị quyết, quy định, kết luận, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư... về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp và liên quan đến phạm vi, nội dung quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Kết quả điều tra, khảo sát; thông tin kinh tế - xã hội; số liệu và báo cáo thống kê; thông tin, số liệu thực tiễn, tài liệu khác liên quan đến văn bản được rà soát do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ được ban hành theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

“1. Văn bản là căn cứ để rà soát là văn bản được ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát, bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát;

b) Văn bản hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có thời điểm có hiệu lực sau thời điểm ban hành văn bản được rà soát”.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và khoản 2 Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Luật, VBQPPL khác.

- Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của VBQPPL.

- Kết quả rà soát, tổng rà soát của cơ quan Trung ương là cơ sở, định hướng cho việc tổng rà soát của các cơ quan ở địa phương.

4. Tiêu chí, cách thức thực hiện rà soát

Việc rà soát VBQPPL được thực hiện theo **06 tiêu chí cơ bản**, cụ thể như sau:

4.1. Rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng (Tiêu chí 1)

a) Mục đích: Đề kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các VBQPPL cho phù hợp hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương của Đảng để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

b) Cách thức thực hiện: Đối chiếu VBQPPL được rà soát với các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản. Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau:

- Đường lối, chủ trương của Đảng chưa được thể chế đầy đủ, toàn diện (tại thời điểm ban hành VBQPPL được rà soát) hoặc đã thể chế hóa nhưng không phát huy hiệu quả trong thực tiễn triển khai.

- Nội dung, quy định của VBQPPL được rà soát không còn phù hợp với đường lối, chủ trương mới của Đảng.

- Vấn đề mới theo đường lối, chủ trương của Đảng cần thể chế hóa thành quy định pháp luật.

- Nội dung các văn bản của Đảng cần tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Lưu ý: Việc rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng cần bám sát Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp,

tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp, liên quan đến phạm vi, nội dung quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương.

Theo đó, việc thực hiện rà soát, đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng (Tiêu chí 1) được thực hiện theo **các tiêu chí rà soát thành phần**⁶, cụ thể như:

(i) Thực hiện các chủ trương về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp; phân định rõ thẩm quyền theo phương châm phát huy tính tự chủ, sáng tạo của địa phương “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; ban hành quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy chính quyền 3 cấp (*Tiêu chí về tổ chức bộ máy*);

(ii) Thực hiện các chủ trương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*Tiêu chí về khoa học, công nghệ*);

(iii) Thực hiện chủ trương về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (*Tiêu chí về hội nhập quốc tế*);

(iv) Thực hiện chủ trương về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*Tiêu chí về xây dựng, thi hành pháp luật*);

(v) Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế tư nhân (*Tiêu chí về kinh tế tư nhân*);

(vi) Thực hiện chủ trương đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*Tiêu chí về an ninh năng lượng quốc gia*);

(vii) Thực hiện các chủ trương đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (*Tiêu chí về giáo dục và đào tạo*);

(viii) Thực hiện một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*Tiêu chí về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân*);

(ix) Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhà nước (*Tiêu chí về kinh tế nhà nước*);

(x) Thực hiện chủ trương phát triển văn hóa Việt Nam (*Tiêu chí về phát triển văn hóa*);

(xi) Thực hiện chủ trương về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*Tiêu chí về cấu trúc hệ thống pháp luật*);

⁶ Các bộ, ngành có hướng dẫn nội dung rà soát cụ thể đối với từng tiêu chí thành phần.

(xii) Thực hiện các chủ trương **khác** gắn với nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực, địa phương (*Tiêu chí riêng khác*).

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

- Đề xuất các đường lối, chủ trương của Đảng cần tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

4.2. Rà soát, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật (Tiêu chí 2)

a) Mục đích: Để phát hiện các nội dung, quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất trong các VBQPPL hoặc giữa các VBQPPL với nhau; nội dung được giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhưng cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành VBQPPL; trên cơ sở đó kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới VBQPPL.

b) Cách thức thực hiện:

Đối chiếu VBQPPL được rà soát với:

- Quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Văn bản là căn cứ để xác định văn bản trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Văn bản là căn cứ rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 (trừ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện rà soát theo Tiêu chí 3) và Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau của VBQPPL được rà soát:

- Nội dung, quy định của VBQPPL không phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Nội dung, quy định của VBQPPL trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất, không còn phù hợp với quy định của văn bản là căn cứ rà soát.

Việc rà soát cũng cần thực hiện giữa các quy định trong chính văn bản đó để phát hiện các quy định không thống nhất với nhau.

- Nội dung VBQPPL được giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thuộc trách nhiệm xây dựng của cơ quan rà soát nhưng chưa được cơ quan rà soát ban hành hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

4.3. Rà soát, đánh giá tính tương thích của VBQPPL với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Tiêu chí 3)

a) Mục đích: Để phát hiện các nội dung, quy định không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới VBQPPL.

b) Cách thức thực hiện:

Đối chiếu VBQPPL được rà soát với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung quy định của văn bản được rà soát.

Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề sau của VBQPPL được rà soát:

- Nội dung, quy định của VBQPPL không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Vấn đề chưa được pháp luật trong nước điều chỉnh để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

Đề xuất nội dung, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4.4. Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính bất hợp lý, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ (Tiêu chí 4)

a) Mục đích: Để thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính triệt để, cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và các điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề không cần thiết, không hợp lý, tạo gánh nặng tuân thủ; giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tháo gỡ rào cản, khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là mục tiêu tăng trưởng “2 con số”.

b) Cách thức thực hiện:

Các cơ quan rà soát các thủ tục hành chính, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ, đề lên phương án, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp (trong đó, lưu ý bám sát quy định của Luật Đầu tư để phát hiện quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành không đúng thẩm quyền).

c) Nội dung đề xuất xử lý:

- Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh.
- Đề xuất quy định, thủ tục hành chính, VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính.
- Đề xuất xử lý các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được ban hành không đúng thẩm quyền.

4.5. Rà soát, phát hiện quy định pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn, vướng mắc, tạo “điểm nghẽn” trong áp dụng, thực hiện pháp luật, cản trở quá trình phát triển (Tiêu chí 5)

a) Mục đích: Đề kịp thời giải thích, hướng dẫn áp dụng, tạm ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc có cơ chế xử lý phù hợp.

b) Cách thức thực hiện:

Căn cứ vào kết quả theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan xác định quy định pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn, vướng mắc, tạo “điểm nghẽn” trong áp dụng, thực hiện pháp luật, cản trở quá trình phát triển, như:

- Nội dung, quy định của VBQPPL sử dụng từ ngữ đa nghĩa hoặc diễn đạt không rõ ràng.
- Một phần hoặc toàn bộ văn bản không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có cơ sở pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL.
- Các quy định chưa phù hợp với năng lực thực thi hoặc thực tiễn thực hiện (Ví dụ: Các quy định phân quyền, phân định thẩm quyền chưa phù hợp với năng lực, điều kiện của các chủ thể được phân quyền; các quy định không được bảo đảm về nguồn lực thực hiện);...

c) Nội dung đề xuất xử lý:

Đề xuất nội dung, VBQPPL có quy định không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không phù hợp thực tiễn, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

4.6. Rà soát, phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh (Tiêu chí 6)

a) Mục đích: Kịp thời phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc đã có quy định pháp luật điều chỉnh nhưng cần

được điều chỉnh bằng VBQPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn; kịp thời đề xuất bổ sung quy định pháp luật điều chỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Căn cứ kết quả theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật, các cơ quan rà soát, phát hiện các nội dung, lĩnh vực, vấn đề chưa có quy định pháp luật điều chỉnh, như: *biện pháp quản lý mới; quy định biện pháp quản lý nhà nước.*

Lưu ý: Các nội dung được đề xuất theo Tiêu chí này không bao gồm các nội dung mới cần thể chế hóa theo đường lối, chủ trương của Đảng đã nêu tại Tiêu chí 1.

c) Nội dung đề xuất xử lý:

Đề xuất bổ sung quy định pháp luật (bổ sung vào VBQPPL đã có hoặc ban hành VBQPPL mới).

(Kết quả rà soát VBQPPL của các cơ quan theo 06 tiêu chí nêu trên được tổng hợp theo Mẫu 04, 05, 06, 07 kèm theo Công văn này).

Lưu ý: *Kết quả rà soát một nội dung, quy định của VBQPPL có thể đồng thời liên quan đến nhiều tiêu chí khác nhau.*

6. Tổ chức trao đổi, lấy ý kiến đối với kết quả rà soát

Trong quá trình tổ chức tổng rà soát hệ thống VBQPPL, các cơ quan, địa phương có trách nhiệm:

6.1. Chủ động tổ chức trao đổi, lấy ý kiến chuyên sâu về kết quả rà soát VBQPPL do cơ quan mình thực hiện để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, cập nhật của kết quả tổng rà soát.

6.2. Tổ chức lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, nhất là người dân, doanh nghiệp và các chủ thể có trách nhiệm thi hành pháp luật về các mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc, bất cập của hệ thống VBQPPL để đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của hệ thống VBQPPL do cơ quan phụ trách; bảo đảm phát hiện và xử lý đúng vướng mắc; thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đầy đủ, rõ ràng, tránh hình thức, có cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn.

IV. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Về cách thức xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL

- Các cơ quan thực hiện xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL đồng thời trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL.

- Các cơ quan xây dựng Báo cáo và các Phụ lục Danh mục tổng hợp kết quả rà soát theo hình thức trực tuyến hoặc theo Mẫu (định dạng file excel) tải xuống từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL, tại địa chỉ:

<https://kiemtrarasoat.moj.gov.vn>; sau đó, trích xuất kết quả rà soát (bao gồm: Báo cáo và các Phụ lục theo định dạng file word) từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL, thực hiện chỉnh lý thể thức để gửi về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp).

(Cách thức xây dựng Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL và các Phụ lục Danh mục trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL được thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Tư pháp).

2. Về thành phần và biểu mẫu xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL

2.2. Đối với các cơ quan cấp tỉnh

a) Về Báo cáo:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 01-T.
- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 02-T.

Lưu ý: Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của UBND tỉnh, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; HĐND và UBND cấp huyện (trước sắp xếp); HĐND và UBND cấp xã.

b) Về các Phụ lục kèm theo:

Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của các sở, ban, ngành kèm theo các Phụ lục sau đây:

- Phụ lục I. Danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-T).
- Phụ lục II. Danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-T).
- Phụ lục III. Danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần ban hành mới (Mẫu 05-T).
- Phụ lục IV. Danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-T).
- Phụ lục V. Danh mục VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-T).
- Phụ lục VI. Danh mục tổng hợp VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện còn hiệu lực (Mẫu 08-T) - Sở Tư pháp tổng hợp.

2.3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về Báo cáo:

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 01-

X.

- Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL: Mẫu 02-X.

b) Về các Phụ lục kèm theo:

Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL của UBND cấp xã kèm theo các Phụ lục sau đây:

- Phụ lục I. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-X).

- Phụ lục II. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-X).

- Phụ lục III. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần ban hành mới (Mẫu 05-X).

- Phụ lục IV. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-X).

- Phụ lục V. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp xã cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-X).

- Phụ lục VI. Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện còn hiệu lực (Mẫu 08-X).

3. Về thời hạn gửi Danh mục và Báo cáo

3.1. Đối với Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống VBQPPL:

a) Cấp tỉnh, cấp xã gửi Danh mục văn bản về Sở Tư pháp **chậm nhất ngày 25/5/2026**.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh, thống nhất Danh mục văn bản để các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát **chậm nhất ngày 05/6/2026**.

c) Cấp tỉnh, cấp xã tiến hành rà soát khi thống nhất Danh mục văn bản với Sở Tư pháp và gửi Báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) **chậm nhất ngày 24/6/2026 (số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo)**.

d) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát báo cáo cho Tổ Công tác và tham mưu UBND tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp **chậm nhất ngày 03/7/2026**.

3.2. Đối với Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống VBQPPL (**Báo cáo chính thức**): Cấp tỉnh, cấp xã gửi Báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) **trước ngày 16/10/2026 (số liệu cập nhật đến thời điểm báo cáo)**.

Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát báo cáo cho Tổ Công tác và tham mưu UBND tỉnh báo cáo về Bộ Tư pháp **chậm nhất ngày 30/10/2026**.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ Sở Tư pháp (ông Nguyễn Văn Thơm, Trưởng phòng Xây

dựng và Tổ chức thi hành pháp luật - Sở Tư pháp, số điện thoại: 0919.191.185; bà Mai Hồng Nhiên, Phó Trưởng phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật - Sở Tư pháp, số điện thoại: 0946.747.436 hoặc ông Nguyễn Văn An, Chuyên viên phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật - Sở Tư pháp, số điện thoại: 0919.800.855) để được hỗ trợ, hướng dẫn; trường hợp vượt thẩm quyền, Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Tổ trưởng Tổ công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tỉnh chỉ đạo giải quyết.

Nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống VBQPPL là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp thiết trong năm 2026, được Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật và đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đặc biệt quan tâm chỉ đạo quyết liệt. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu cần quán triệt nghiêm túc về trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nội dung văn bản này./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- CVP. UBND tỉnh;
- Phòng Nội chính;
- Lưu: VT, ttlan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong